

Ngày 19 tháng 08 năm 2022

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGĐCK HÀ NỘI**

**Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội**

Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS**

Mã chứng khoán: **MSR; MSR11808**

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Website: www.masangroup.com/masanresources

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Nguyên Hải

Địa chỉ: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại (cơ quan): (028) 6256 3862 Fax: (028) 3827 4115

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: Báo cáo tài chính giữa niên độ 2022 đã soát xét của Công ty Cổ phần Masan High – Tech Materials.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty vào ngày 19/08/2022 tại đường dẫn https://masanhightechmaterials.com/vi/investor_category/thong-bao-cong-ty/.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Người được ủy quyền công bố thông tin



Số: 362/2022/CV-MHT

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

V/v: Giải trình kết quả kinh doanh 6 tháng
đầu năm 2022 sau soát xét chênh lệch so
với BCTC cùng kỳ năm trước

Ngày 19 tháng 8 năm 2022

Kính gửi: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials xin gửi tới Quý Cơ quan lời chào trân trọng.

Theo quy định tại điểm a và c, khoản 4, Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán (“Thông tư 96”), Công ty Cổ phần High-Tech Materials (“Công ty” hay “MHT”) xin giải trình về chênh lệch lãi sau thuế sau soát xét 6 tháng đầu năm 2022 thay đổi trên 10% so với báo cáo cùng kỳ năm trước, như sau:

1. Trên báo cáo hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”):

Lợi sau thuế sau soát xét 6 tháng đầu năm 2022 của Tập đoàn là 323 tỷ VND, tăng 586 tỷ VND so với lỗ sau thuế 263 tỷ VND của cùng kỳ năm trước với các lý do chính sau:

- Lợi nhuận gộp 6 tháng đầu năm 2022 tăng 692 tỷ VND so với cùng kỳ năm trước do:
 - Nhu cầu thị trường đối với sản phẩm vonfram tăng và giá vonfram trong Quý 2 được duy trì ổn định sau khi tăng trong Quý 1;
 - Giá florit vẫn duy trì ở mức cao dưới ảnh hưởng của thiếu hụt nguồn cung trên thị trường toàn cầu;
- Thu nhập thuần từ hoạt động khác tăng 66 tỷ VND chủ yếu đến từ việc Tập đoàn ghi nhận bổ sung khoản bồi thường bảo hiểm gián đoạn sản xuất năm 2021.
- Lợi nhuận từ công ty liên kết tăng 5 tỷ VND.
- Tuy nhiên, các tăng trưởng trên đã bị giảm trừ một phần bởi:
 - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 74 tỷ VND do sự tăng trưởng hoạt động sản xuất kinh doanh của toàn tập đoàn;
 - Chi phí tài chính thuần tăng 31 tỷ VND do ảnh hưởng từ biến động tỷ giá;
 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm cả thuế thu nhập hoãn lại tăng 72 tỷ VND tương đương với mức tăng lợi nhuận trước thuế



2. Trên báo cáo riêng của Công ty:

Kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ 6 tháng đầu năm 2022 sau soát xét báo cáo lãi sau thuế là 646 triệu VND, tăng so với kết quả hoạt động kinh doanh lãi 121 triệu VND của cùng kỳ năm trước chủ yếu do thu nhập tài chính thuần tăng nhẹ.

Công ty Cổ phần High-Tech Materials xin giải trình để Quý Cơ quan rõ.

Xin trân trọng cảm ơn.

CÔNG TY CỔ PHẦN HIGH-TECH MATERIALS
TỔNG GIÁM ĐỐC



M.S.D.N. 030996686
C. T. C. P.
CÔNG TY
CỔ PHẦN
MASAN
HIGH-TECH
MATERIALS
QUẬN 1 - TP HỒ CHÍ MINH

CRAIG RICHARD BRADSHAW



030996686
C. T. C. P.
CH
LS
HỒ CHÍ MINH



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 0309966889

ngày 27 tháng 4 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là vào ngày 11 tháng 2 năm 2022. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh đầu tiên số 0309966889 được cấp ngày 27 tháng 4 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 41122000131

ngày 2 tháng 8 năm 2013

Giấy Chứng nhận Đầu tư do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư dự án “Công ty Cổ phần Tài nguyên Ma San” có thời gian hoạt động là 10 năm kể từ ngày được cấp Giấy Chứng nhận Đầu tư.

Hội đồng Quản trị

Ông Danny Le	Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Phó Chủ tịch thứ nhất
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Akira Osada	Thành viên
Bà Nguyễn Thu Hiền	Thành viên độc lập

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Ông Hady Seyeda	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Quyền Giám đốc Tài chính (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Ông Stuart James Wells	Giám đốc Tài chính (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Ủy ban kiểm toán

Bà Nguyễn Thu Hiền	Chủ tịch (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Thiệu Nam	Thành viên (từ ngày 12 tháng 4 năm 2021)

Trụ sở đăng ký

Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza
Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials Báo cáo của Ban Giám đốc

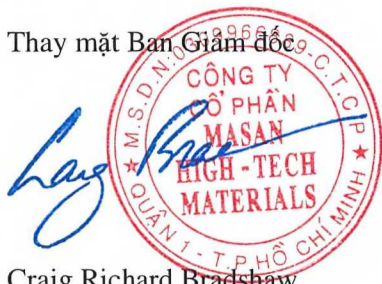
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 22 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



The image shows a red circular stamp of Masan High-Tech Materials. The stamp contains the text: 'CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH-TECH MATERIALS' in the center, 'QUẬN 1 - TP. HỒ CHÍ MINH' at the bottom, and 'M.S.D.N. 0318968690-C.T.C.P.' around the top edge. A blue handwritten signature is written over the stamp.

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám Đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, 18-08-2022



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 18 tháng 8 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 22.

Trách nhiệm của Ban Giám Đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 “Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện”.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh trước hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 22-02-00150-22-2



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 03339-2018-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 18 -08- 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số: 3064-2019-007-1

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 +150)	100		77.180.456	84.602.412
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	1.224.109	5.600.363
Tiền	111		1.224.109	600.363
Các khoản tương đương tiền	112		-	5.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		72.504.093	78.800.192
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.790.249	92.800
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	70.713.844	78.707.392
Tài sản ngắn hạn khác	150		3.452.254	201.857
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.452.254	201.857
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15.183.225.583	15.181.439.646
Các khoản phải thu dài hạn	210		3.000.000.000	3.000.000.000
Phải thu dài hạn khác	216	8	3.000.000.000	3.000.000.000
Tài sản cố định	220		-	-
Tài sản cố định vô hình	227		-	-
Nguyên giá	228		137.950	137.950
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(137.950)	(137.950)
Tài sản dở dang dài hạn	240		26.749.194	24.963.257
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	9	26.749.194	24.963.257
Đầu tư tài chính dài hạn	250		12.156.476.389	12.156.476.389
Đầu tư vào công ty con	251	10	12.156.476.389	12.156.476.389
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		15.260.406.039	15.266.042.058

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		3.102.124.207	3.108.407.105
Nợ ngắn hạn	310		102.124.207	108.407.105
Phải trả người bán ngắn hạn	311		6.649.600	3.217.708
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		158.357	197.528
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	11	53.911.186	48.356.333
Phải trả ngắn hạn khác	319	12	20.205.064	35.435.536
Vay ngắn hạn	320	13(a)	21.200.000	21.200.000
Nợ dài hạn	330		3.000.000.000	3.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	13(b)	3.000.000.000	3.000.000.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.158.281.832	12.157.634.953
Vốn chủ sở hữu	410	14	12.158.281.832	12.157.634.953
Vốn cổ phần	411	15	10.991.554.200	10.991.554.200
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		10.991.554.200	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	412	15	1.098.259.892	1.098.259.892
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		68.467.740	67.820.861
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		67.820.861	67.310.703
- LNST kỳ này/năm nay	421b		646.879	510.158
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		15.260.406.039	15.266.042.058

18 -08- 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 02a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
Doanh thu hoạt động tài chính	21	16	138.873.498	137.892.353
Chi phí tài chính	22	17	133.162.756	134.219.142
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.928.273	3.346.520
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 21 - 22 - 26)	30		782.469	326.691
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30)	50		782.469	326.691
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	18	135.590	205.535
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51)	60		646.879	121.156

18 -08- 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022

(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		782.469	326.691
Điều chỉnh cho các khoản				
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(138.870.115)	(137.892.353)
Chi phí lãi vay	06		133.155.991	134.219.142
Lỗ từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		(4.931.655)	(3.346.520)
Biến động các khoản phải thu	09		(4.986.065)	(829.225)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		1.416.362	(671.850)
Biến động chi phí trả trước	12		-	(2.206.211)
			(8.501.358)	(7.053.806)
Tiền lãi vay đã trả	14		(132.365.877)	(135.875.649)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(167.815)	(245.627)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(141.035.050)	(143.175.082)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(10.243.085)	-
Tiền thu lãi tiền gửi, đầu tư và cổ tức	27		146.901.881	141.411.661
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		136.658.796	141.411.661

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	Từ 1/1/2022	Từ 1/1/2021
	số	minh	đến 30/6/2022	đến 30/6/2021
			Nghìn VND	Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Thanh toán chi phí phát hành cổ phiếu năm 2020	31		-	(13.491.350)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	(13.491.350)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(4.376.254)	(15.254.771)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		5.600.363	51.739.750
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60)	70	7	1.224.109	36.484.979

18 -08- 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Công ty

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“Công ty” hoặc “MHT”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là tư vấn quản lý.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có 2 nhân viên (1/1/2022: 2 nhân viên).

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng năm gần nhất.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Đầu tư vào công ty con

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(f) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(g) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(h) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty góp vốn dưới hình thức tài sản tài chính cho các bên khác và do đó tiếp nhận một quyền hợp đồng – được nhận tiền hoặc tài sản tài chính khác từ các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận tài sản tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận từ các bên khác của HĐHTKD có bản chất là thu nhập tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là thu nhập tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là thu nhập khi kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD có thể xác định được một cách đáng tin cậy.

(i) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(j) Vốn chủ sở hữu

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được trình bày là vốn chủ sở hữu. Phần chênh lệch tăng do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá được ghi nhận vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu phổ thông được ghi nhận là khoản giảm thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(k) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(l) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, lợi nhuận được chia từ HĐHTKD và lãi chênh lệch tỷ giá.

Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trên cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(m) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(n) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các công ty con và công ty liên kết của Công ty, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(o) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính riêng, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ riêng của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của hoạt động kinh doanh

Công ty không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính riêng hàng năm và báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, Ban Giám đốc thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán được thực hiện tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán năm trước ảnh hưởng đến báo cáo riêng giữa niên độ này.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty không có các khoản mục bất thường nào có thể ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022.

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền mặt	1.224.109	600.363
Tiền gửi ngân hàng	-	5.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.224.109	5.600.363

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

8. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	30/6/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phân phối lợi nhuận phải thu từ HĐHTKD (a)	46.925.173	54.956.939
Phải thu khác từ các công ty con	23.733.671	23.695.453
Phải thu ngắn hạn khác	55.000	55.000
	70.713.844	78.707.392
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu theo HĐHTKD với NPM (b)	2.000.000.000	2.000.000.000
Phải thu theo HĐHTKD với MTC (c)	1.000.000.000	1.000.000.000
	3.000.000.000	3.000.000.000

- (a) Khoản phân phối lợi nhuận phải thu là lợi nhuận phải thu dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh kỳ hiện tại từ HĐHTKD mà Công ty đã ký kết với các công ty con của Công ty là Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“NPM”) và Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (Thuyết minh 8(b) và Thuyết minh 8(c)).
- (b) Số dư này phản ánh các khoản phải thu theo các Hợp đồng Hợp tác Kinh Doanh (“HĐHTKD”) với NPM ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt 1.000 tỷ VND, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với NPM. Các HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản tiền hợp tác cuối cùng (500 tỷ VND) vào ngày 28 tháng 5 năm 2019.
- (c) Số dư này phản ánh các khoản phải thu theo HĐHTKD với MTC ngày 16 tháng 11 năm 2018 và sau đó được sửa đổi nhiều lần, theo đó Công ty sử dụng khoản tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với MTC. HĐHTKD này có thời hạn hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ khi MTC nhận được tiền từ HĐHTKD vào tháng 11 năm 2018.

Việc phân chia lợi nhuận theo các HĐHTKD nêu tại các mục (b) và (c) trên được căn cứ theo tỷ lệ được quy định trong các HĐHTKD và các phụ lục của HĐHTKD.

Khoản phải thu khác từ các công ty con không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả theo các điều khoản của hợp đồng liên quan.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	24.963.257	-
Tăng trong kỳ	18.400.134	24.963.257
Biến động khác	(16.614.197)	-
Số dư cuối kỳ	26.749.194	24.963.257

Số dư chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện chi phí liên quan đến việc mua và phát triển phần mềm để cải thiện hoạt động của Công ty.

10. Đầu tư tài chính dài hạn

	30/6/2022		1/1/2022	
	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Giá trị hợp lý Nghìn VND
Đầu tư vào công ty con				
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	12.156.476.389	(*)	12.156.476.389	(*)

MRTN là một công ty cổ phần đầu tư được thành lập tại Việt Nam. Tỷ lệ lợi ích trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại MRTN là 100% tại ngày 30 tháng 6 năm 2022 (1/1/2022: 100%).

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính riêng bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với trị ghi sổ.

11. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Chi phí lãi vay phải trả	48.232.763	47.442.649
Trích trước chi phí xây dựng cơ bản dở dang	4.600.000	-
Chi phí phải trả khác	1.078.423	913.684
Tổng cộng	53.911.186	48.356.333

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Phải trả ngắn hạn khác

Phải trả ngắn hạn khác bao gồm các khoản sau:

	30/6/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải trả cho Công ty Cổ phần Tầm nhìn Masan (“MH”) (trước đây là Công ty TNHH Tầm nhìn Masan) – công ty mẹ trực tiếp		
Phi thương mại (*)	2.511.785	2.511.785
Phải trả cho Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo – công ty con		
Phi thương mại (*)	17.693.279	32.306.412
Các khoản khác	-	617.339
	20.205.064	35.435.536

(*) Các khoản phải trả các bên liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và được thanh toán dựa trên thỏa thuận của các bên.

13. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2022	Biến động trong kỳ		30/6/2022
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Giảm Nghìn VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	21.200.000	-	-	21.200.000
	21.200.000	-	-	21.200.000

Vay ngắn hạn thể hiện khoản vay từ công ty con, không được đảm bảo và có lãi suất là 3,2%/năm.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***(b) Trái phiếu dài hạn**

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn bằng VND hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	30/6/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn			
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2024	1.000.000.000	1.000.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2023	1.500.000.000	1.500.000.000
▪ Phát hành trái phiếu có đảm bảo	2024	500.000.000	500.000.000
		3.000.000.000	3.000.000.000

Đây là trái phiếu không chuyển đổi do Công ty phát hành với lãi suất được điều chỉnh 6 tháng một lần và được tính theo lãi suất bình quân tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng biên độ 3,25% đến 3,625%/năm.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các trái phiếu không chuyển đổi bằng VND này được đảm bảo bằng một số tài sản dài hạn của một công ty con.

Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương, một công ty liên quan.

14. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần Nghìn VND	Thặng dư vốn cổ phần Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư tại ngày 1/1/2021	10.991.554.200	1.098.259.892	67.310.703	12.157.124.795
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	121.156	121.156
Số dư tại ngày 30/6/2021	10.991.554.200	1.098.259.892	67.431.859	12.157.245.951
Số dư tại ngày 1/1/2022	10.991.554.200	1.098.259.892	67.820.861	12.157.634.953
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	646.879	646.879
Số dư tại ngày 30/6/2022	10.991.554.200	1.098.259.892	68.467.740	12.158.281.832

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials**Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)****Mẫu B 09a – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***15. Vốn cổ phần**

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/6/2022 và 1/1/2022	
	Số cổ phiếu	Ngìn VND
Vốn cổ phần được duyệt	1.099.155.420	10.991.554.200
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	1.099.155.420	10.991.554.200
Thặng dư vốn cổ phần	-	1.098.259.892

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Thặng dư vốn cổ phần phản ánh phần chênh lệch giữa số tiền thu được từ phát hành cổ phiếu và mệnh giá cổ phiếu.

Trong số cổ phiếu đang lưu hành có 109.915.542 cổ phiếu phổ thông phát hành cho Mitsubishi Material Corporation (Nhà đầu tư) vào ngày 26 tháng 10 năm 2020 với khoản thanh toán là 2.094.330.737.268 VND. Khi phát hành các cổ phiếu này, Công ty cũng cấp cho Nhà đầu tư một quyền chọn bán. Theo thỏa thuận bổ sung và sửa đổi ngày 24 tháng 5 năm 2022, các bên đã đồng ý rằng trong trường hợp quyền chọn bán, nghĩa là khi (i) Công ty và Nhà đầu tư (hoặc các bên liên kết của Nhà đầu tư) không thể thiết lập được liên doanh cho mảng kinh doanh vonfram chế biến cận sâu trong vòng 30 tháng sau ngày hoàn tất việc phát hành cổ phiếu trên (tháng 5 năm 2023) hoặc (ii) khi có sự thay đổi quyền kiểm soát đối với Công ty hoặc (iii) một khoảng thời gian khác được thống nhất bằng văn bản giữa các bên, Nhà đầu tư sẽ có quyền không hủy ngang để yêu cầu Công ty hoặc bên được chỉ định mua tất cả các cổ phiếu đã phát hành nói trên với giá mua bằng với khoản thanh toán 2.094.330.737.268 VND trừ đi tổng số tiền mà Nhà đầu tư thu được từ việc bán cổ phần của Công ty và tổng số cổ tức và số lợi nhuận mà Công ty đã thanh toán, có thể được điều chỉnh cho những sự kiện suy giảm quyền sở hữu trong tương lai. Thời hạn để thực hiện những công việc cần thiết nhằm hoàn tất giao dịch quyền chọn bán là trong vòng 18 tháng kể từ ngày Công ty nhận được thông báo thực hiện quyền chọn bán từ Nhà đầu tư. Việc thực hiện quyền chọn bán phải có sự phê duyệt của Hội đồng Quản trị, các cổ đông và các cơ quan quản lý của Việt Nam.



Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
Lãi tiền gửi	28.693	720.271
Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	138.841.422	137.172.082
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.383	-
	138.873.498	137.892.353

17. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	133.111.070	133.845.548
Lỗ chênh lệch tỷ giá	6.765	-
Chi phí tài chính khác	44.921	373.594
	133.162.756	134.219.142

18. Thuế thu nhập

(a) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	782.469	326.691
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	156.494	65.338
Dự phòng (thừa)/thiếu trong năm trước	(20.904)	140.197
	135.590	205.535

(b) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng giữa niên độ, trong kỳ Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ số lượng trái phiếu đã phát hành của Công ty tương đương với 256.933 triệu VND (1/1/2022: 281.499 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Các bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2022 đến 30/6/2022 Nghìn VND	Từ 1/1/2021 đến 30/6/2021 Nghìn VND
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Lãi trái phiếu (i)	6.304.501	7.023.877
Các công ty con			
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	93.298.699	91.603.443
Công ty TNHH Vonfram Masan	Phân chia lợi nhuận từ HĐHTKD	45.542.723	45.568.639
	Chi phí lãi vay	336.412	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (ii)	-	-

(i) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo các thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(ii) Các thành viên trong Hội đồng Quản trị không được hưởng bất cứ khoản thù lao nào trong các kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 và ngày 30 tháng 6 năm 2021.

Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials

Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, và số liệu so sánh trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2021.

18-08-2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người kiểm tra:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc





Masan High-Tech Materials Corporation

Separate Interim Financial Statements
for the six-month period ended 30 June 2022



Masan High-Tech Materials Corporation Corporate Information

Enterprise Registration

Certificate No. 0309966889 27 April 2010

The Company's Enterprise Registration Certificate has been amended several times, the most recent of which was dated 11 February 2022. The Certificate and its amendments were issued by the Department of Planning and Investment of Ho Chi Minh City. The first Business Registration Certificate No. 0309966889 was issued on 27 April 2010.

Investment Certificate No. 41122000131 2 August 2013

The Investment Certificate was issued by the People's Committee of Ho Chi Minh City to the Company to implement the investment of "Ma San Resources Corporation" which has a term of 10 years from the date of the Investment Certificate.

Board of Directors

Mr. Danny Le	Chairman
Mr. Nguyen Thieu Nam	First Vice Chairman
Mr. Craig Richard Bradshaw	Member
Mr. Akira Osada	Member
Ms. Nguyen Thu Hien	Independent member

Board of Management

Mr. Craig Richard Bradshaw	General Director
Mr. Hady Seyeda	Deputy General Director
Mr. Nguyen Huy Tuan	Acting Chief Financial Officer (from 1 July 2022)
Mr. Stuart James Wells	Chief Financial Officer (until 30 June 2022)

Audit Committee

Ms. Nguyen Thu Hien	Chairman (from 12 April 2021)
Mr. Nguyen Thieu Nam	Member (from 12 April 2021)

Registered Office

Suite 802, 8th Floor, Central Plaza Building
No. 17 Le Duan, Ben Nghe Ward, District 1
Ho Chi Minh City
Vietnam

Auditor

KPMG Limited
Vietnam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Road, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

INTERIM FINANCIAL STATEMENTS REVIEW REPORT

To the Shareholders Masan High-Tech Materials Corporation

We have reviewed the accompanying separate interim financial statements of Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company”), which comprise the separate balance sheet as at 30 June 2022, the related separate statements of income and cash flows for the six-month period then ended and the explanatory notes thereto which were authorised for issue by the Company’s Board of Management on 18 August 2022, as set out on pages 5 to 22.

Management’s Responsibility

The Company’s Board of Management is responsible for the preparation and fair presentation of these separate interim financial statements in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting and for such internal control as the Board of Management determines necessary to enable the preparation of separate interim financial statements that are free from material misstatement, whether due to fraud or error.

Auditor’s Responsibility

Our responsibility is to express a conclusion on these separate interim financial statements based on our review. We conducted our review in accordance with Vietnamese Standard on Review engagements 2410, “Review of Interim Financial Information Performed by the Independent Auditor of the Entity”.

A review of interim financial information consists of making inquiries, primarily of persons responsible for financial and accounting matters, and applying analytical and other review procedures. A review is substantially less in scope than an audit conducted in accordance with Vietnamese Standards on Auditing and consequently does not enable us to obtain assurance that we would become aware of all significant matters that might be identified in an audit. Accordingly, we do not express an audit opinion.



Auditor's Conclusion


Based on our review, nothing has come to our attention that causes us to believe that the accompanying separate interim financial statements do not give a true and fair view, in all material respects, of the unconsolidated financial position of the Company as at 30 June 2022 and of its unconsolidated results of operations and its unconsolidated cash flows for the six-month period then ended in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

KPMG Limited

Vietnam

Review Report No.: 22-02-00150-22-2




Tran Dinh Vinh
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 0339-2018-007-1
Deputy General Director

Hanoi, **18 AUG 2022**



Phan My Linh
Practicing Auditor Registration
Certificate No. 3064-2019-007-1

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate balance sheet as at 30 June 2022

Form B 01a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2022 VND'000	1/1/2022 VND'000
ASSETS				
Current assets (100 = 110 + 130 + 150)	100		77,180,456	84,602,412
Cash and cash equivalents	110	7	1,224,109	5,600,363
Cash	111		1,224,109	600,363
Cash equivalents	112		-	5,000,000
Accounts receivable – short-term	130		72,504,093	78,800,192
Prepayment to suppliers	132		1,790,249	92,800
Other receivables	136	8	70,713,844	78,707,392
Other current assets	150		3,452,254	201,857
Deductible value added tax	152		3,452,254	201,857
Long term assets (200 = 210 + 220 + 240 + 250)	200		15,183,225,583	15,181,439,646
Accounts receivable – long-term	210		3,000,000,000	3,000,000,000
Other long-term receivables	216	8	3,000,000,000	3,000,000,000
Fixed assets	220		-	-
Intangible fixed assets	227		-	-
<i>Cost</i>	228		137,950	137,950
<i>Accumulated amortisation</i>	229		(137,950)	(137,950)
Long-term work in progress	240		26,749,194	24,963,257
Construction in progress	242	9	26,749,194	24,963,257
Long-term financial investments	250		12,156,476,389	12,156,476,389
Investment in a subsidiary	251	10	12,156,476,389	12,156,476,389
TOTAL ASSETS (270 = 100 + 200)	270		15,260,406,039	15,266,042,058

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate balance sheet as at 30 June 2022 (continued)

Form B 01a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	30/6/2022 VND'000	1/1/2022 VND'000
RESOURCES				
LIABILITIES (300 = 310 + 330)	300		3,102,124,207	3,108,407,105
Current liabilities	310		102,124,207	108,407,105
Accounts payable to suppliers	311		6,649,600	3,217,708
Taxes payable to State Treasury	313		158,357	197,528
Accrued expenses	315	11	53,911,186	48,356,333
Other short-term payables	319	12	20,205,064	35,435,536
Short-term borrowings	320	13(a)	21,200,000	21,200,000
Long-term liabilities	330		3,000,000,000	3,000,000,000
Long-term bonds	338	13(b)	3,000,000,000	3,000,000,000
EQUITY (400 = 410)	400		12,158,281,832	12,157,634,953
Equity	410	14	12,158,281,832	12,157,634,953
Share capital	411	15	10,991,554,200	10,991,554,200
- Ordinary shares with voting rights	411a		10,991,554,200	10,991,554,200
Share premium	412	15	1,098,259,892	1,098,259,892
Retained profits after tax	421		68,467,740	67,820,861
- Retained profits brought forward	421a		67,820,861	67,310,703
- Retained profit for the period/year	421b		646,879	510,158
TOTAL RESOURCES (440 = 300 + 400)	440		15,260,406,039	15,266,042,058

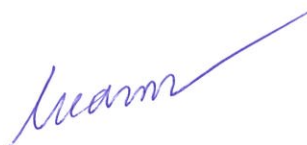
18 AUG 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statement of income for the six-month period ended 30 June 2022

Form B 02a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code	Note	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
Financial income	21	16	138,873,498	137,892,353
Financial expenses	22	17	133,162,756	134,219,142
General and administration expenses	26		4,928,273	3,346,520
Net operating profit (30 = 21 - 22 - 26)	30		782,469	326,691
Accounting profit before tax (50 = 30)	50		782,469	326,691
Income tax expense – current	51	18	135,590	205,535
Net profit after tax (60 = 50 - 51)	60		646,879	121,156

13 AUG 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statement of cash flows for the six-month period ended 30 June 2022
(Indirect method)

Form B 03a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code Note	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
CASH FLOWS FROM OPERATING ACTIVITIES			
Profit before tax	01	782,469	326,691
Adjustments for			
Profits from investing activities	05	(138,870,115)	(137,892,353)
Interest expense	06	133,155,991	134,219,142
Operating loss before changes in working capital	08	(4,931,655)	(3,346,520)
Change in receivables	09	(4,986,065)	(829,225)
Change in payables and other liabilities	11	1,416,362	(671,850)
Change in prepaid expenses	12	-	(2,206,211)
		(8,501,358)	(7,053,806)
Interest paid	14	(132,365,877)	(135,875,649)
Income tax paid	15	(167,815)	(245,627)
Net cash flows from operating activities	20	(141,035,050)	(143,175,082)
CASH FLOWS FROM INVESTING ACTIVITIES			
Payments for additions to fixed assets and other long-term assets	21	(10,243,085)	-
Receipts of interests and dividend	27	146,901,881	141,411,661
Net cash flows from investing activities	30	136,658,796	141,411,661

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Separate statements of cash flows for the six-month period ended 30 June 2022
(Indirect method - continued)

Form B 03a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

	Code Note	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
CASH FLOWS FROM FINANCING ACTIVITIES			
Payment for transaction cost for 2020 shares issuance	31	-	(13,491,350)
Net cash flows from financing activities	40	-	(13,491,350)
Net cash flows during the period (50 = 20 + 30 + 40)	50	(4,376,254)	(15,254,771)
Cash and cash equivalents at the beginning of the period	60	5,600,363	51,739,750
Cash and cash equivalents at the end of the period (70 = 50 + 60)	70 7	1,224,109	36,484,979

18 AUG 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Approved by:



Craig Richard Bradshaw
General Director

The accompanying notes are an integral part of these separate interim financial statements

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance))

These notes form an integral part of and should be read in conjunction with the accompanying separate interim financial statements.

1. Reporting entity

Ownership and company structure

Masan High-Tech Materials Corporation (“the Company” or “MHT”) is incorporated as a joint stock company in Vietnam. The principal activity of the Company is investment holding.

As at 30 June 2022, the Company had 2 employees (1/1/2022: 2 employees).

2. Basis of preparation

(a) Statement of compliance

The separate interim financial statements have been prepared in accordance with Vietnamese Accounting Standards, the Vietnamese Accounting System for enterprises and the relevant statutory requirements applicable to interim financial reporting.

The Company prepares and issues its consolidated interim financial statements separately. For a comprehensive understanding of the consolidated financial position of the Company and its subsidiaries (collectively referred to as “the Group”), and their consolidated results of operations and their consolidated cash flows, these separate interim financial statements should be read in conjunction with the consolidated interim financial statements of the Group for the six-month period ended 30 June 2022.

(b) Basis of measurement

The separate interim financial statements, except for the separate statement of cash flows, are prepared on the accrual basis using the historical cost concept. The separate statement of cash flows is prepared using the indirect method.

(c) Annual accounting period

The annual accounting period of the Company is from 1 January to 31 December.

(d) Accounting and presentation currency

The Company’s accounting currency is Vietnam Dong (“VND”), which is also the currency used for financial statement presentation purpose. All amounts have been rounded to the nearest thousand (“VND’000”), unless otherwise indicated.

3. Summary of significant accounting policies

The following significant accounting policies have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements.

The accounting policies that have been adopted by the Company in the preparation of these separate interim financial statements are consistent with those adopted in the preparation of the latest separate annual financial statements.

(a) Foreign currency transactions

Transactions in currencies other than VND during the period have been translated into VND at rates approximating actual rates of exchange ruling at the transaction dates.

Monetary assets and liabilities denominated in currencies other than VND are translated into VND at the account transfer buying rate for assets and account transfer selling rate for liabilities at the end of the accounting period quoted by the commercial bank where the Company most frequently conducts transactions.

All foreign exchange differences are recorded in the separate statement of income.

(b) Cash and cash equivalents

Cash comprises cash balances and call deposits. Cash equivalents are short-term highly liquid investments that are readily convertible to known amount of cash, are subject to an insignificant risk of changes in value, and are held for the purpose of meeting short-term cash commitments rather than for investment or other purposes.

(c) Investments in a subsidiary

Investment in a subsidiary is initially recognised at cost which includes purchase price plus any directly attributable transaction costs. Subsequent to initial recognition, these investments are stated at cost less allowance for diminution in value. An allowance is made for diminution in investment value if the investee has suffered a loss which may cause the Company to lose its invested capital, unless there is evidence that the value of the investment has not been diminished. The allowance is reversed if the investee subsequently made a profit that offsets the previous loss for which the allowance had been made. An allowance is reversed only to the extent that the investment's carrying amount does not exceed the carrying amount that would have been determined if no allowance had been recognised.

(d) Accounts receivable

Trade and other receivables are stated at cost less allowance for doubtful debts.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(e) Intangible fixed assets

Software

Cost of acquisition of new software, which is not an integral part of the related hardware, is recognised as an intangible asset. Acquired software costs are amortised on a straight-line basis over three (3) to eight (8) years.

(f) Construction in progress

Construction in progress represents the costs of tangible and intangible fixed assets which have not been fully completed or installed. No depreciation is provided for construction in progress during the period of construction and installation.

(g) Accounts and other payable

Accounts payable to suppliers and other payables are stated at their cost.

(h) Business cooperation contract

Business Cooperation Contracts (“BCC”) are those under which contracting parties agree to carry out specific business activities that do not require an establishment of legal entity. The Company accounts for each BCC according to its substance and its rights and obligations under the contract. Where the Company makes contributions in the form of financial assets to the other parties and as a result obtaining a contractual right to receive cash or other financial assets from those parties under the BCC, the Company recognise a financial asset. Where distributions of profits from the other BCC parties have the substance of finance income, they are recognised as financial income based on the rate of returns as agreed by contracting parties. Distributions which are contingent on the ultimate operating results of the BCC are recognised as income only as when the ultimate operating results of the BCC can be determined reliably.

(i) Bonds issued

At initial recognition, straight bonds are measured at cost which comprises proceeds from issuance net of issuance costs. Any discount, premium or issuance costs are amortised on a straight-line basis over the term of the bond.

(j) Equity

Ordinary shares

Ordinary share capital is classified as equity. The excess of proceeds contributed over the par value of shares issued is recorded as share premium. Incremental costs directly attributable to the issue of ordinary shares are recognised as a deduction from share premium.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(k) Taxation

Income tax on the profit or loss for the period comprises current and deferred tax. Income tax is recognised in the statement of income except to the extent that it relates to items recognised directly to equity, in which case it is recognised in equity.

Current tax is the expected tax payable on the taxable income for the period, using tax rates enacted at the end of the accounting period, and any adjustment to tax payable in respect of previous years.

Deferred tax is provided using the balance sheet method, providing for temporary differences between the carrying amounts of assets and liabilities for financial reporting purposes and the amounts used for taxation purposes. The amount of deferred tax provided is based on the expected manner of realisation or settlement of the carrying amounts of assets and liabilities using tax rates enacted or substantively enacted at end of the accounting period.

A deferred tax asset is recognised only to the extent that it is probable that future taxable profits will be available against which the temporary difference can be utilised. Deferred tax assets are reduced to the extent that it is no longer probable that the related tax benefit will be realised.

(l) Financial income and financial expenses

(i) Financial income

Financial income comprises interest income from deposits and loans, profit distribution from BCC and foreign exchange gains.

Interest income is recognised as it accrues in the statement of income.

Income from distributed profits from a subsidiary is recognized when the right to receive profit distribution is established. Distributed profits received which are attributable to the period before investment acquisition date are deducted from the carrying amount of the investment.

(ii) Financial expenses

Financial expenses comprise interest expenses on borrowings, bonds, facility fees, financing costs, transaction costs and foreign exchange losses.

(m) Borrowing costs

Borrowings costs comprise interest expenses on borrowings, facility fees, financing costs and transaction costs. Borrowing costs are recognised as an expense in the period in which they are incurred.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

(n) Related parties

Parties are considered to be related to the Company if one party has the ability, directly or indirectly, to control the other party or to exercise significant influence over the other party in making financial and operating decisions. Parties are also considered to be related if they are subject to common control or common significant influence. Related parties may be individuals or corporate entities and include close family members of any individual considered to be a related party. Related parties that are individuals refer to key management personnel who have authority and responsibility for planning, directing and controlling the activities of the Company, including directors and officers of the Company. Related companies refer to subsidiaries and associates of the Company, the ultimate parent company and their subsidiaries and associates.

(o) Comparative information

Comparative information in these separate interim financial statements is presented as corresponding figures. Under this method, comparative information for the prior period is included as an integral part of the current period financial statements and are intended to be read only in relation to the amounts and other disclosures relating to the current period. Accordingly, the comparative information included in these separate interim financial statements is not intended to present the Company's separate financial position, results of operation or cash flows for the prior period.

4. Seasonality of operations

The Company does not have any seasonal operations of which may affect the Company's operating results for the six-month period ended 30 June 2022.

5. Changes in accounting estimates

In preparing the annual and interim separate financial statements, the management has made several accounting estimates. Actual results may differ from these estimates. During the six-month period ended 30 June 2022, there was no significant change in the accounting estimates made at the end of the previous annual accounting period affecting the separate financial statements.

6. Unusual items

The Company does not have any unusual items which may affect the Company's separate financial statements for the six-month period ended 30 June 2022.

7. Cash and cash equivalents

	30/6/2022	1/1/2022
	VND'000	VND'000
Cash in banks	1,224,109	600,363
Cash equivalents	-	5,000,000
	<hr/>	<hr/>
	1,224,109	5,600,363
	<hr/>	<hr/>

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

8. Other short-term and long-term receivables

	30/6/2022	1/1/2022
	VND'000	VND'000
Other short-term receivables		
Distribution of profit receivable from BCC (a)	46,925,173	54,956,939
Other receivable from subsidiaries	23,733,671	23,695,453
Others	55,000	55,000
	70,713,844	78,707,392
Other long-term receivables		
Receivables under BCC with NPM (b)	2,000,000,000	2,000,000,000
Receivables under BCC with MTC (c)	1,000,000,000	1,000,000,000
	3,000,000,000	3,000,000,000

- (a) The distribution of profit receivables were due to accrual of the current period's operating results as distribution of profit receivable from BCC which the Company contracted with its subsidiaries, Nui Phao Mining Co., Ltd ("NPM") and Masan Tungsten Limited Liability Company ("MTC") (Note 8(b) and Note 8(c)).
- (b) This balance represents receivables under Business Cooperation Contracts ("BCCs") with NPM dated 21 September 2018 and amended several times thereafter according to which the Company used the bond proceeds of VND1,000 billion, VND500 billion and VND500 billion respectively for business cooperation activities with NPM. The BCCs have cooperation terms of sixty (60) months from the payment date of last contribution (VND500 billion) on 28 May 2019.
- (c) This balance represents receivables under BCC with MTC dated 16 November 2018 and amended several times thereafter according to which the Company used the bond proceeds of VND1,000 billion for business cooperation activities with MTC. The BCCs have terms of sixty (60) months of cooperation from when MTC received the proceeds from business cooperation contract in November 2018.

The sharing of profits under the above-mentioned BCCs in (b) and (c) are based on the agreed rate as stipulated in the BCCs and their amendments.

The other receivables from subsidiaries were unsecured, interest free and are due in accordance with relevant contract terms.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

9. Construction in progress

	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
Opening balance	24,963,257	-
Additions during the period	18,400,134	24,963,257
Other movements	(16,614,197)	-
Closing balance	26,749,194	24,963,257

The balance of construction in progress represents the expense relating to software purchasing and development to improve the Company's operation.

10. Long-term financial investments

	30/6/2022		1/1/2022	
	Cost VND'000	Fair value VND'000	Cost VND'000	Fair value VND'000
Investment in a subsidiary				
Masan Thai Nguyen Resources Company Limited ("MRTN")	12,156,476,389	(*)	12,156,476,389	(*)

MRTN is an investment holding company, incorporated in Vietnam. The direct and indirect percentage of economic interests of the Company at MRTN is 100% as at 30 June 2022 (1/1/2022: 100%).

(*) The Company has not determined the fair values of the equity investments for disclosure in the separate financial statements because information about their market prices are not available and there is currently no guidance on determination of fair value using valuation techniques under Vietnamese Accounting Standards or the Vietnamese Accounting System for enterprises. The fair values of the equity investments may differ from their carrying amounts.

11. Accrued expenses

	30/6/2022 VND'000	1/1/2022 VND'000
Accrued interest expenses	48,232,763	47,442,649
Accrual for construction in progress	4,600,000	-
Others	1,078,423	913,684
Total	53,911,186	48,356,333

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

12. Other short-term payables

Other payables included the following amounts:

	30/6/2022	1/1/2022
	VND'000	VND'000
Amounts due to Masan Horizon Corporation (“MH”) (formerly known as Masan Horizon Company Limited) – the immediate parent company		
Non-trade (*)	2,511,785	2,511,785
Amount due to Nui Phao Mining Company Ltd – a subsidiary		
Non-trade (*)	17,693,279	32,306,412
Others	-	617,339
	20,205,064	35,435,536

(*) Amounts due to related parties were unsecured, interest-free and repayable based on agreement between the parties.

13. Borrowings and bonds

(a) Short-term borrowings

	1/1/2022	Movement during the period		30/6/2022
	Carrying amount & amount within repayment capacity VND'000	Additions VND'000	Payments VND'000	Carrying amount & amount within repayment capacity VND'000
Short-term borrowings	21,200,000	-	-	21,200,000

Short-term borrowings represent loan from subsidiary, which is unsecured with interest rate of 3.2% per annum.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance))

(b) Long-term bonds

Terms and conditions of outstanding long-term bonds in VND were as follows:

	Year of maturity	30/6/2022 VND'000	1/1/2022 VND'000
Long-term bonds issued			
▪ Secured bond issued	2024	1,000,000,000	1,000,000,000
▪ Secured bond issued	2023	1,500,000,000	1,500,000,000
▪ Secured bond issued	2024	500,000,000	500,000,000
		3,000,000,000	3,000,000,000

These are non-convertible bonds issued by the Company, which have interest rate to be adjusted every six months and calculated as the average twelve-month saving deposit rate of related reference banks plus 3.25% to 3.625% per annum.

As at 30 June 2022, these VND denominated non-convertible bonds are secured by a part of certain long-term assets of a subsidiary.

The representatives of the bondholders of above bonds is Techcom Securities JSC, a related company.

14. Changes in equity

	Share capital VND'000	Share premium VND'000	Retained profits after tax VND'000	Total VND'000
Balance at 1/1/2021	10,991,554,200	1,098,259,892	67,310,703	12,157,124,795
Net profit for the period	-	-	121,156	121,156
Balance at 30/6/2021	10,991,554,200	1,098,259,892	67,431,859	12,157,245,951
Balance at 1/1/2022	10,991,554,200	1,098,259,892	67,820,861	12,157,634,953
Net profit for the period	-	-	646,879	646,879
Balance at 30/6/2022	10,991,554,200	1,098,259,892	68,467,740	12,158,281,832

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

15. Share capital

The Company's authorised and issued share capital comprised:

	30/6/2022 and 1/1/2022	
	Number of shares	VND'000
Authorised share capital	1,099,155,420	10,991,554,200
Issued share capital		
Ordinary shares	1,099,155,420	10,991,554,200
Shares in circulation		
Ordinary shares	1,099,155,420	10,991,554,200
Share premium	-	1,098,259,892

All ordinary shares have a par value of VND10,000. Each share is entitled to one vote at meetings of the Company. Shareholders are entitled to receive dividends as declared from time to time. All ordinary shares are ranked equally with regard to the Company's residual assets. In respect of shares bought back by the Company, all rights are suspended until those shares are reissued.

Share premium represents the excess of the proceeds on issuance of shares over the par value.

Included in the shares in circulation are 109,915,542 of ordinary shares issued to Mitsubishi Material Corporation (the Investor) on 26 October 2020 for the consideration of VND2,094,330,737,268. In relation to this issuance, the Company also granted a put option to the Investor. Parties to the supplemental and amending agreement dated 24 May 2022 agreed that in the put option event that (i) the Company and the Investor (or their affiliate) fail to establish a joint operation of midstream tungsten business within 30 months after closing date of the above share issuance (i.e. May 2023) or (ii) if there is a change in control in the Company or (iii) such other period agreed in writing between the parties, the Investor will have an irrevocable right to request the Company or its nominee to purchase all shares issued above at the amount equal to consideration of VND2,094,330,737,268 less the aggregate of any proceeds received by the Investor from disposing the Company's shares, dividends and distributions paid by the Company subject to customary adjustments from dilutive events. The deadline to take actions necessary to effect the completion the put option is 18 month from the date that the Company receives put option exercise notice from the Investor. The exercise of the put option will be subject to approval of Board of Directors, shareholders and Vietnamese regulators.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

16. Financial income

	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
Interest income	28,693	720,271
Distribution of profit from BCC	138,841,422	137,172,082
Foreign exchange gain	3,383	-
	138,873,498	137,892,353

17. Financial expenses

	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
Interest expense	133,111,070	133,845,548
Foreign exchange loss	6,765	-
Others	44,921	373,594
	133,162,756	134,219,142

18. Income tax

(a) Reconciliation of effective tax rate

	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
Accounting profit before tax	782,469	326,691
Tax at the Company tax rate	156,494	65,338
(Over)/under provision in prior year	(20,904)	140,197
	135,590	205,535

(b) Applicable tax rates

The Company has an obligation to pay the government income tax at the rate of 20% of taxable profits.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN
(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)

19. Significant transactions with related parties

In addition to related party balances and transactions disclosed in other notes to the interim separate financial statements, the Company had the following significant balances and transactions with related parties during the period:

(a) Related party balances

As at and for the six-month period ended 30 June 2022, the Company has current and term deposit accounts at Vietnam Technological and Commercial Joint Stock Bank (“TCB”) at normal commercial terms.

As at 30 June 2022, associates of the ultimate parent company held VND256,933 million (1/1/2022: VND281,499 million) of the issued bonds of the Company.

(b) Related party transactions

Related parties	Nature of transactions	From 1/1/2022 to 30/6/2022 VND'000	From 1/1/2021 to 30/6/2021 VND'000
Ultimate parent company's associate			
TCB and its subsidiaries	Bond interest (i)	6,304,501	7,023,877
Subsidiaries			
Nui Phao Mining Co., Ltd	Distribution of profit from BCC	93,298,699	91,603,443
Masan Tungsten LLC	Distribution of profit from BCC	45,542,723	45,568,639
	Interest from borrowings	336,412	-
Key management personnel			
	Salary, bonus and other benefits (ii)	-	-

- (i) The bonds are listed and sold to a broader set of investors pursuant to arrangement agreements.
- (ii) No board fees were paid to Board of Directors members for the six-month periods ended 30 June 2022 and 30 June 2021.

Masan High-Tech Materials Corporation
Notes to the separate interim financial statements for the six-month period ended
30 June 2022 (continued)

Form B 09a – DN

*(Issued under Circular No. 200/2014/TT-BTC
dated 22 December 2014 of the Ministry of Finance)*

20. Comparative information

Comparative information as at 1 January 2022 were derived from the balances and amounts reported in the Company's separate financial statements as at and for the year ended 31 December 2021, and comparative figures in the separate interim statements of income and cash flows were derived from the Company's separate interim financial statements for the six-month period ended 30 June 2021.

18 AUG 2022

Prepared by:



Nguyen Thi Thanh Mai
Chief Accountant

Reviewed by:



Nguyen Huy Tuan
Acting Chief Financial Officer

Approved by:



The stamp is circular with a red border. The text inside the stamp reads: "M.S.D.N: 030996688" at the top, "CÔNG TY CỔ PHẦN MASAN HIGH TECH MATERIALS" in the center, and "QUẬN 1 - T.P.HỒ CHÍ MINH" at the bottom. A handwritten signature in blue ink is written over the stamp.

Craig Richard Bradshaw
General Director

